TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2024/KDTM-ST,
Ngày: 13/6/2024,
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
H1 thẩm nhân dân: Bà Trần Quang C,
Ông Nguyễn Văn H2.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hoàng Mạnh H3, T ký Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M, tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị L, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại Phòng xử án dân sự, trụ sở Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 115/2023/KDTM-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 386/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty cổ phần kim khí Thành phố H - VNsteel**,
Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Trí N, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel.
Trụ sở chính: số A đường Đ, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Cẩm V (có mặt tại phiên toà).

- *Bị đơn*: **Công ty trách nhiệm hữu hạn T2**,
Trụ sở chính: số 260/24 (số cũ: 103/1/24) đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Hồng D, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Hồng D, thành viên thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn T3
Địa chỉ: số B (số cũ: 103/1/24) đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Phan Thanh H4, thành viên thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn T3

Địa chỉ: số G đường H, Khu phố C, Phường C, Thành phố T, Tỉnh Long An (vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

* Theo nội dung Đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần kim khí Thành phố H (sau đây gọi tắt là: VNsteel), việc giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2), như sau:

V1 và Công ty T2 ký "Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa" số 104-2018/HĐKK2-PK ngày 08/01/2018, loại hàng mua bán là sắt thép các loại, lượng hàng, trị giá, thời hạn thanh toán, lãi suất chậm trả 1,125%/tháng, chi tiết được cụ thể trong 09 đơn đặt hàng từ ngày 09/04/2018 đến 22/06/2018, có xác nhận của hai bên.

- Việc mua bán, giao nhận hàng hóa:

Từ ngày 09/4/2018 đến ngày 22/6/2018, VNsteel đã giao hàng cho Công ty T2 theo nội dung 09 Hoá đơn, tổng cộng là 166.230 kg thép, tổng số tiền phải thanh toán là 2.326.742.528 đồng.

- Việc thanh toán và tồn đọng nợ gốc:

Từ ngày 24/4/2018 đến ngày 31/12/2020, Công ty T2 đã thanh toán tổng số tiền hàng là: 1.900.067.288 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2020, số tiền nợ gốc Công ty T2 còn nợ VNsteel là: 426.675.240 đồng, Công ty T2 xác nhận trên bảng tổng hợp đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020.

Sau đó, Công ty T2 thanh toán số tiền: 120.000.000 đồng. Tính đến ngày 10/6/2023, Công ty T2 còn nợ gốc VNsteel là: 306.675.240 đồng.

- Tiền lãi chậm trả theo hợp đồng:

Tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc quá hạn Công ty T2 phải thanh toán cho VNsteel, tính đến ngày 13/06/2024 là: 414.375.747 đồng.

- Việc giải quyết công nợ:

Khi phát sinh công nợ quá hạn thanh toán, VNsteel liên tục nhắc nhở thanh toán khoản nợ và cụ thể ngày 18/03/2019 VNsteel đã mời đại diện Công ty T2 đến văn phòng VNsteel tại để họp bàn giải pháp thu hồi khoản nợ trên. Tại Cuộc họp này Công ty T2 cam kết chậm nhất đến 29/06/2019 sẽ trả hết nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh.

Ngày 31/12/2020 hai bên đối chiếu công nợ, Công ty T2 ký xác nhận tổng số tiền nợ (vốn, lãi) là 702.009.950 đồng trên bảng tổng hợp đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020.

Kể từ sau ngày 28/7/2022, ngày thanh toán gần nhất số tiền 20.000.000 đồng, Công ty T2 không thanh toán tiền nợ còn lại, không xác nhận bảng đối chiếu công nợ cụ thể:

- Ngày 30/9/2022, VNsteel gửi bảng đối chiếu xác nhận công nợ tới Công

ty T2 số tiền là: 306.675.240 đồng và lãi chậm trả: 357.835.903 đồng.

- Ngày 31/12/2022, VNsteel gửi bảng đối chiếu xác nhận công nợ tới Công ty T2 số tiền là: 306.675.240 đồng và lãi chậm trả: 370.968.324 đồng.

VNsteel yêu cầu Công ty T2 phải thanh toán cho VNsteel khoản tiền nợ: 721.050.987 đồng, trong đó: nợ gốc: 306.675.240 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/05/2018 đến hết ngày 13/06/2024 là: 414.375.747 đồng.

Cách thức thanh toán: thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời Công ty T2 tiếp tục phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất hai bên đã thoả thuận là 1,125%/tháng tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bị đơn không thực hiện thanh toán, thanh toán không đủ số nợ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4 – là những người thành lập doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn T2, có trách nhiệm dùng phần vốn góp vào doanh nghiệp tiếp tục thanh toán nợ cho VNsteel.

* Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án kinh doanh, thương mại số 115/2023/TB-TLVA ngày 02 tháng 11 năm 2023; Giấy triệu tập tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22 tháng 3 năm 2024, ngày 17 tháng 4 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4 đều vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần kim khí Thành phố H - VNsteel vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 không có yêu cầu phản tố.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4, không có yêu cầu độc lập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng quy định.

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân Quận Tân Phú thụ lý tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá và giải quyết theo trình tự, thủ tục kinh doanh, thương mại là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn nộp thể hiện giữa nguyên đơn Công ty cổ phần kim khí Thành phố H - VNsteel và bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 thực hiện việc giao kết mua bán hàng hoá là sắt

thép các loại, tính đến ngày 13/06/2024 bị đơn còn nợ tiền hàng tổng cộng là 721.050.987 đồng, trong đó: nợ gốc: 306.675.240 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/05/2018 đến hết ngày 13/06/2024 là: 414.375.747 đồng.

Kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy việc thẩm tra, xem xét tài liệu, chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 thanh toán nợ tiền hàng tổng cộng là 721.050.987 đồng, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả theo thoả thuận của hai bên là 1,125%/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thâm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân của các bên đương sự:

Công ty cổ phần kim khí Thành phố H (tên công ty bằng tiếng nước ngoài: VNSteel – Hochiminh City Metal Corporation); trụ sở chính: 193 Đ, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: ông Võ Trí N, Tổng Giám đốc Công ty, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần S: 0300399360, đăng ký lần đầu ngày 27/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/8/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H, doanh nghiệp hiện đang hoạt động.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2: (tên công ty bằng tiếng nước ngoài: P; tên công ty viết tắt: Phan Khai Steel C1.,LTD); trụ sở chính: 260/24 (số cũ: 103/1/24) P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Hồng D, Giám đốc Công ty, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 0312544950, đăng ký lần đầu ngày 14/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07/02/2014 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H, doanh nghiệp H6 đang hoạt động, chưa đăng ký giải thể.

Như vậy, về tư cách pháp nhân tham gia tố tụng của hai doanh nghiệp phù hợp quy định Luật doanh nghiệp; Luật thương mại.

[3] Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá:

Việc giao dịch mua bán hàng hoá giữa hai bên đương sự được lập thành văn bản, quan hệ giao dịch nhằm mục đích lợi nhuận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 24 Luật thương mại năm 2005.

[4] Về người đại diện theo ủy quyền:

Tổng giám đốc V đã ủy quyền cho bà Phan Thị Cẩm V, theo nội dung giấy ủy quyền số 234/GUQ-KK ngày 29/01/2024 tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét, việc ủy quyền, nhận uỷ quyền được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy chế tổ chức và hoạt động của VNsteel, phù hợp quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Việc tranh chấp đối với Hợp đồng mua bán hàng hoá được xác lập giữa VNsteel và Công ty T2, về nội dung của hợp đồng có mục đích kinh doanh, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc loại tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4 Luật thương mại 2005.

[6] Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng đối với bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4:

Bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4 là hai thành viên góp vốn thành lập công ty, theo quy định tại các Điều 8, 12, 50 của Luật doanh nghiệp, do vậy, Toà án xác định bà D, ông H4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 68, 73 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

[7] Việc tham gia phiên toà của các đương sự:

Tòa án đã lên lịch xét xử vào các ngày 16/5/2024 và 13/6/2024; Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng để bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa, nhưng họ đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại các Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về yêu cầu của cac đương sự:

Trong vụ án này, bị đơn không có yêu cầu phản tố; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

** Về nội dung vụ án:*

[9] Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ:

Tại phiên toà, các đương sự cam kết không bổ sung chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã giao nộp cho Toà án.

[10] Yêu cầu của đương sự tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của VNsteel giữ nguyên nội dung Đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn là Công ty T2 phải có nghĩa vụ dân sự, thanh toán tổng cộng khoản tiền nợ hàng hoá là: 721.050.987 đồng, trong đó: gốc: 306.675.240 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/05/2018 đến hết ngày 13/06/2024 là: 414.375.747 đồng.

Cách thức thanh toán: thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời Công ty T2 tiếp tục phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất hai bên thoả thuận 1,125%/tháng tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bị đơn không thực hiện thanh toán, thanh toán không đủ số nợ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4 – là những người thành lập doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn T2, có

trách nhiệm dùng phần vốn góp vào doanh nghiệp tiếp tục thanh toán nợ cho VNsteel.

Về ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: vắng mặt tại phiên toà, không có yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét:

[11] Căn cứ Đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ do VNsteel gửi Toà án, việc mua bán hàng hoá là sắt thép các loại giữa VNsteel và Công ty T2 như sau:

V1 và Công ty T2 ký "Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa" số 104-2018/HĐKK2-PK ngày 08/01/2018, nội dung của Hợp đồng thể hiện loại hàng hoá mua bán là sắt thép các loại, lượng hàng, trị giá, thời hạn thanh toán, lãi suất chậm trả hai bên tự thoả thuận 1,125%/tháng, tương đương 13,5%/năm, chi tiết được cụ thể trong 09 đơn hàng có xác nhận của hai bên, như sau:

Đơn đặt hàng số 01/04/PK-KK2 ngày 09/04/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 11255 ngày 09/4/2018 với khối lương 33.180 kg, giá trị thanh toán 447.939.954 đồng, hạn thanh toán ngày 14/5/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Đơn đặt hàng số 02/04/PK-KK2 ngày 16/04/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 11238 ngày 16/4/2018 với khối lương 19.810 kg, giá trị thanh toán 312.075.368 đồng, hạn thanh toán ngày 31/5/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Đơn đặt hàng số 01/05/PK-KK2 ngày 03/05/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 12312 ngày 03/5/2018 với khối lương 10.550 kg, giá trị thanh toán 112.881.835 đồng, hạn thanh toán ngày 02/6/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng

Đơn đặt hàng số 02/05/PK-KK2 ngày 04/05/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 12313 ngày 04/5/2018 với khối lương 16.800 kg, giá trị thanh toán 251.884.173 đồng, hạn thanh toán ngày 03/6/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Đơn đặt hàng số 01/06/PK-KK2 ngày 02/06/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 13359 ngày 16/4/2018 với khối lương 32.890 kg, giá trị thanh toán 450.609.445 đồng, hạn thanh toán ngày 02/7/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Đơn đặt hàng số 01/06/PK-KK2 ngày 09/06/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 13377 ngày 09/6/2018 với khối lương 11.640 kg, giá trị thanh toán 142.009.164 đồng, hạn thanh toán ngày 09/7/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Đơn đặt hàng 02/06/PK-KK2 ngày 19/06/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 14101 ngày 19/6/2018 với khối lương 9.700 kg, giá trị thanh toán 118.340.970 đồng, hạn thanh toán ngày 19/7/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Đơn đặt hàng số 04/06/PK-KK2 ngày 21/06/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 14115 ngày 21/6/2018 với khối lương 17.230 kg, giá trị thanh toán 247.126.847 đồng, hạn thanh toán ngày 31/7/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Đơn hàng số 05/06/PK-KK2 ngày 22/06/2018, VNsteel đã giao hàng theo Hóa đơn số 14116 ngày 22/6/2018 với khối lương 14.430 kg, giá trị thanh toán 243.872.772 đồng, hạn thanh toán ngày 01/8/2018, tiền lãi chậm trả: 1,125%/tháng.

Tổng cộng từ ngày 09/4/2018 đến ngày 22/6/2018, VNsteel đã giao sắt thép các loại và Công ty T2 đã thực nhận 166.230 kg thép, tổng số tiền phải thanh toán là 2.326.742.528 đồng.

[12] Việc đối chiếu công nợ giữa VNsteel và Công ty P1:

Sau khi phát sinh công nợ quá hạn thanh toán, VNsteel và Công ty T2 có các buổi họp và xác nhận công nợ vào các ngày 18/03/2019; ngày 31/12/2020; ngày 30/9/2022 và ngày 31/12/2022, VNsteel gửi bảng đối chiếu xác nhận công nợ tới Công ty T3

Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào nội dung các biên bản xác nhận công nợ này, thể hiện giữa VNsteel và Công ty T2 đã thực nhận và hai bên đã thống nhất về số lượng, chất lượng, mẫu mã, kích cỡ, chủng loại,… hàng hoá đã giao kết hợp đồng, hai bên chỉ còn làm việc, thống nhất về số nợ tiền hàng hoá (nợ gốc và tiền lãi chậm trả) chưa thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng.

[13] Việc thanh toán của Công ty T2:

Căn cứ xác nhận của VNsteel, Công ty T2 đã thanh toán các đơt như sau:

- Ngày 24/4/2018 thanh toán số tiền: 120.000.000 đồng.
- Ngày 16/5/2018 thanh toán số tiền: 150.000.000 đồng.
- Ngày 04/6/2018 thanh toán số tiền: 70.000.000 đồng.
- Ngày 18/6/2018 thanh toán số tiền: 174.688.864 đồng.
- Ngày 29/6/2018 thanh toán số tiền: 150.000.000 đồng.
- Ngày 11/7/2018 thanh toán số tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 17/8/2018 thanh toán số tiền: 100.000.000 đồng.
- Ngày 29/8/2018 thanh toán số tiền: 151.030.424 đồng.
- Ngày 16/11/2018 thanh toán số tiền: 100.000.000 đồng.
- Ngày 10/12/2018 thanh toán số tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 17/12/2018 thanh toán số tiền: 40.000.000 đồng.
- Ngày 22/4/2019 thanh toán số tiền: 35.000.000 đồng.
- Ngày 01/7/2019 thanh toán số tiền: 50.000.000 đồng.
- Ngày 29/7/2019 thanh toán số tiền: 57.376.000 đồng.
- Ngày 26/8/2019 thanh toán số tiền: 67.254.000 đồng.
- Ngày 21/10/2019 thanh toán số tiền: 30.000.000 đồng.
- Ngày 12/12/2019 thanh toán số tiền: 40.000.000 đồng.
- Ngày 04/01/2020 thanh toán số tiền: 30.000.000 đồng.
- Ngày 28/02/2020 thanh toán số tiền: 19.718.000 đồng.
- Ngày 08/4/2020 thanh toán số tiền: 30.000.000 đồng.
- Ngày 12/6/2020 thanh toán số tiền: 25.000.000 đồng.
- Ngày 15/7/2020 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng.

- Ngày 14/9/2020 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2020 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng.

Tổng cộng từ ngày 24/4/2018 đến ngày 31/12/2020, Công ty T2 đã thanh toán tổng số tiền là: 1.900.067.288 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2020, số tiền nợ gốc Công ty T2 còn nợ VNsteel là: 426.675.240 đồng, Công ty T2 xác nhận trên bảng tổng hợp đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020.

Sau đó, Công ty T2 tiếp tục thanh toán số tiền: 120.000.000 đồng cụ thể các đợt như sau:

- Ngày 24/3/2021 thanh toán số tiền: 40.000.000 đồng
- Ngày 23/4/2021 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng
- Ngày 05/6/2021 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng
- Ngày 27/12/2021 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng
- Ngày 28/7/2022 thanh toán số tiền: 20.000.000 đồng.

Tính đến ngày 10/6/2023, số tiền nợ gốc Công ty T2 còn nợ VNsteel là: 306.675.240 đồng.

[14] Vê tiền lãi chậm trả của 09 Hoá đơn:

[14.1] Hóa đơn số 0011225 ngày 09/04/2018, trị giá hóa đơn 447.939.954 đồng.

Ngày 24/04/2018, Công ty T2 thanh toán 120.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại đến hạn thanh toán ngày 14/05/2018 là 327.939.954 đồng.

Tiền lãi chậm trả từ 14/05/2018 đến 15/05/2018 (02 ngày): 327.939.954 đồng x 1,125%/30 x 02 ngày = 273.283 đồng.

Ngày 16/05/2018 Công ty T2 trả 150.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 177.939.954 đồng, Công ty P2 trả từ 16/05/2018 đến 03/06/2018 (19 ngày): 177.939.954 đồng x 1,125%/30 x 19 ngày = 1.408.691 đồng.

Ngày 04/06/2018 Công ty T2 trả 70.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 107.939.954 đồng, số ngày chậm trả từ 04/06/2018 đến 18/06/2018 là (14 ngày): 107.939.954 đồng x 1,125%/30 x 14 ngày = 629.650 đồng.

[14.2] Hóa đơn số 0011238 ngày 16/04/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 312.075.368 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 31/05/2018.

Tiền lãi chậm trả từ 31/05/2018 đến 17/06/2018 (18 ngày): 312.075.368 đồng x 1,125%/30 x 18 ngày = 2.106.509 đồng.

Ngày 18/06/2018 Công ty T2 trả 66.748.910 đồng. Số nợ gốc còn lại 245.326.458 đồng, Công ty P2 trả từ 18/06/2018 đến 28/06/2018 (10 ngày): 245.326.458 đồng x 1,125%/30 x 10 ngày = 919.974 đồng.

Ngày 29/06/2018 Công ty T2 trả 150.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 95.326.458 đồng, số ngày chậm trả từ 29/06/2018 đến 11/07/2018 là (13 ngày): 95.326.458 đồng x 1,125%/30 x 13 ngày = 464.716 đồng.

[14.3] Hóa đơn số 0012312 ngày 03/05/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 112.881.835 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 02/06/2018.

Tiền lãi chậm trả từ 02/06/2018 đến 10/07/2018 (39 ngày): 112.881.835 đồng x 1,125%/30 x 39 ngày = 1.650.897 đồng.

Ngày 11/07/2018 Công ty T2 trả 104.673.542 đồng. Số nợ gốc còn lại 8.208.293

đồng, Công ty P2 trả từ 11/07/2018 đến 17/08/2018 (38 ngày): 8.208.293 đồng x 1,125%/30 x 38 ngày = 116.968 đồng.
[14.4] Hóa đơn số 0012313 ngày 04/05/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 251.886.173 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 03/06/2018.
Tiền lãi chậm trả từ 03/06/2018 đến 16/08/2018 (75 ngày): 251.886.173 đồng x 1,125%/30 x 75 ngày = 7.084.299 đồng.
Ngày 17/08/2018 Công ty T2 trả 91.791.707 đồng. Số nợ gốc còn lại 160.094.466 đồng, Công ty P2 trả từ 17/08/2018 đến 15/11/2018 (91 ngày): 160.094.466 đồng x 1,125%/30 x 91 ngày = 5.463.244 đồng.
Ngày 16/11/2018 Công ty T2 trả 100.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 60.094.466 đồng, số ngày chậm trả từ 16/11/2018 đến 10/12/2018 là (25 ngày): 60.094.466 đồng x 1,125%/30 x 25 ngày = 563.386 đồng.
[14.5] Hóa đơn số 0013359 ngày 02/06/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 450.609.445 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 02/07/2018.
Tiền lãi chậm trả từ 02/07/2018 đến 09/12/2018 (161 ngày): 450.609.445 đồng x 1,125%/30 x 161 ngày = 27.205.545 đồng.
Ngày 10/12/2018 Công ty T2 trả 139.905.534 đồng. Số nợ gốc còn lại 310.703.911 đồng, Công ty P2 trả từ 10/12/2018 đến 16/12/2018 (06 ngày): 310.703.911 đồng x 1,125%/30 x 06 ngày = 669.084 đồng.
Ngày 17/12/2018 Công ty T2 trả 40.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 270.703.911 đồng, số ngày chậm trả từ 17/12/2018 đến 21/04/2019 là (126 ngày): 270.703.911 đồng x 1,125%/30 x 126 ngày = 12.790.760 đồng.
Ngày 22/04/2019 Công ty T2 trả 35.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 235.703.911 đồng, Công ty P2 trả từ 22/04/2019 đến 30/06/2019 (70 ngày): 235.703.911 đồng x 1,125%/30 x 70 ngày = 6.187.228 đồng.
Ngày 01/07/2019 Công ty T2 trả 50.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 185.703.911 đồng, Công ty P2 trả từ 01/07/2019 đến 28/07/2019 (27 ngày): 185.703.911 đồng x 1,125%/30 x 27 ngày = 1.880.252 đồng.
Ngày 29/07/2019 Công ty T2 trả 57.376.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 128.327.911 đồng, Công ty P2 trả từ 29/07/2019 đến 25/08/2019 (28 ngày): 128.327.911 đồng x 1,125%/30 x 28 ngày = 1.347.443 đồng.
Ngày 26/08/2019 Công ty T2 trả 67.254.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 61.073.911 đồng, Công ty P2 trả từ 26/08/2019 đến 20/10/2019 (56 ngày): 61.073.911 đồng x 1,125%/30 x 56 ngày = 1.282.552 đồng.
Ngày 21/10/2019 Công ty T2 trả 30.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 31.073.911 đồng, Công ty P2 trả từ 21/10/2019 đến 12/12/2019 (53 ngày): 31.073.911 đồng x 1,125%/30 x 53 ngày = 617.594 đồng.
[14.6] Hóa đơn số 0013377 ngày 09/06/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 142.009.164 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 09/07/2018.
Tiền lãi chậm trả từ 09/07/2018 đến 11/12/2019 (521 ngày): 142.009.164 đồng x 1,125%/30 x 521 ngày = 27.745.040 đồng.
Ngày 12/12/2019 Công ty T2 trả 8.926.089 đồng. Số nợ gốc còn lại 133.083.075 đồng, Công ty P2 trả từ 12/12/2019 đến 03/01/2020 (23 ngày): 133.083.075 đồng x 1,125%/30 x 23 ngày = 1.147.842 đồng.
Ngày 04/01/2020 Công ty T2 trả 30.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 103.083.075

đồng, Công ty P2 trả từ 04/01/2020 đến 27/02/2020 (55 ngày): 103.083.075 đồng x 1,125%/30 x 55 ngày = 2.126.088 đồng.
Ngày 28/02/2020 Công ty T2 trả 19.718.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 83.365.075 đồng, Công ty P2 trả từ 28/02/2020 đến 07/04/2020 (39 ngày): 83.365.075 đồng x 1,125%/30 x 39 ngày = 1.219.214 đồng.
Ngày 08/04/2020 Công ty T2 trả 30.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 53.365.075 đồng, Công ty P2 trả từ 08/04/2020 đến 11/06/2020 (65 ngày): 53.365.075 đồng x 1,125%/30 x 65 ngày = 1.300.774 đồng.
Ngày 12/06/2020 Công ty T2 trả 25.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 28.365.075 đồng, Công ty P2 trả từ 12/06/2020 đến 14/07/2020 (33 ngày): 28.365.075 đồng x 1,125%/30 x 33 ngày = 351.018 đồng.
Ngày 15/07/2020 Công ty T2 trả 20.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 8.365.075 đồng, Công ty P2 trả từ 15/07/2020 đến 14/09/2020 (62 ngày): 8.365.075 đồng x 1,125%/30 x 62 ngày = 194.488 đồng.
[14.7] Hóa đơn số 0014101 ngày 19/06/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 118.340.970 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 19/07/2018.
Tiền lãi chậm trả từ 19/07/2018 đến 13/09/2020 (787 ngày): 118.340.970 đồng x 1,125%/30 x 787 ngày = 34.925.379 đồng.
Ngày 14/09/2020 Công ty T2 trả 11.634.925 đồng. Số nợ gốc còn lại 106.706.045 đồng, Công ty P2 trả từ 14/09/2020 đến 07/10/2020 (24 ngày): 106.706.045 đồng x 1,125%/30 x 24 ngày = 960.354 đồng.
Ngày 08/10/2020 Công ty T2 trả 20.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 86.706.045 đồng, Công ty P2 trả từ 08/10/2020 đến 23/03/2021 (167 ngày): 86.706.045 đồng x 1,125%/30 x 167 ngày = 5.429.966 đồng.
Ngày 24/03/2021 Công ty T2 trả 40.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 46.706.045 đồng, Công ty P2 trả từ 24/03/2021 đến 22/04/2021 (30 ngày): 46.706.045 đồng x 1,125%/30 x 30 ngày = 525.443 đồng.
Ngày 23/04/2021 Công ty T2 trả 20.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 26.706.045 đồng, Công ty P2 trả từ 23/04/2021 đến 04/06/2021 (43 ngày): 26.706.045 đồng x 1,125%/30 x 43 ngày = 430.635 đồng.
Ngày 05/06/2021 Công ty T2 trả 20.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 6.706.045 đồng, Công ty P2 trả từ 05/06/2021 đến 27/12/2021 (206 ngày): 6.706.045 đồng x 1,125%/30 x 206 ngày = 518.042 đồng.
[14.8] Hóa đơn số 0014115 ngày 21/06/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 247.126.847 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 31/07/2018.
Tiền lãi chậm trả từ 31/07/2018 đến 26/12/2021 (1.244 ngày): 247.126.847 đồng x 1,125%/30 x 1.244 ngày = 115.284.674 đồng.
Ngày 27/12/2021 Công ty T2 trả 13.293.955 đồng. Số nợ gốc còn lại 233.832.892 đồng, Công ty P2 trả từ 27/12/2021 đến 27/07/2022 (213 ngày): 233.832.892 đồng x 1,125%/30 x 213 ngày = 18.677.402 đồng.
Ngày 28/07/2022 Công ty T2 trả 20.000.000 đồng. Số nợ gốc còn lại 213.832.892 đồng, Công ty P2 trả từ 28/07/2022 đến 13/06/2024 (685 ngày): 213.832.892 đồng x 1,125%/30 x 685 ngày = 52.763.266 đồng.
[14.9] Hóa đơn số 0014116 ngày 22/06/2018, số tiền nợ gốc phải thanh toán là 243.872.772 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 01/08/2018.

Tiền lãi chậm trả từ 01/08/2018 đến 28/08/2018 (27 ngày): 243.872.772 đồng x 1,125%/30 x 27 ngày = 2.469.212 đồng.
Ngày 29/08/2018 Công ty T2 trả 151.030.424 đồng. Số nợ gốc còn lại 92.842.348 đồng, Công ty P2 trả từ 29/08/2018 đến 16/05/2024 (2.086 ngày): 92.842.348 đồng x 1,125%/30 x 2.086 ngày = 72.625.927 đồng.
Lãi chậm trả tính từ ngày 17/5/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 13/6/2024: 306.675.240 đồng x 1,125%/30 x 28 ngày = 3.220.090 đồng.
Tổng cộng tiền lãi chậm trả 09 hóa đơn, Công ty T2 phải thanh toán cho VNsteel tiền lãi chậm trả theo từng đợt hàng đã nhận, phát sinh từ ngày 14/05/2018 đến ngày 13/06/2024, là: 414.375.747 đồng.

Hội đồng xét xử xét, về mức lãi suất chậm trả mà VNsteel và Công ty T2 tự nguyện thoả thuận trong hợp đồng mua bán hàng hoá là 1,125%/tháng, tương đương 13,5%/năm, là thấp hơn kết quả Toà án xác minh lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại: Ngân hàng N1, Ngân hàng thương mại cổ phần N2, Ngân hàng thương mại cổ phần C2: 15%/năm, 15,75%/năm và 14,25%/năm tại thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất chậm trả hai bên thoả thuận là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận (Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại).

Như vậy, số tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc quá hạn Công ty T2 phải thanh toán cho VNsteel, tính theo từng đợt hàng giao – nhận từ ngày 14/05/2018 đến ngày 13/06/2024 tổng cộng là: 414.375.747 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi Công ty T2 có nghĩa vụ thanh toán cho VNsteel là: 721.050.987 đồng.

Công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của V, do vậy, Công ty T2 có nghĩa vụ phải thanh toán số nợ 721.050.987 đồng, nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời Công ty T2 tiếp tục phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất hai bên thoả thuận 1,125%/tháng tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

[14] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu án phí là 32.842.039 đồng.

Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel không phải chịu án phí, Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 16.398.828 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 68, 72, 73, 85, 86, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 106, 108, 189, 227, 233 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;

Các Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật doanh nghiệp;

Khoản 1 Điều 3, Điều 4, Điều 6, khoản 1 Điều 24, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel.

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có nghĩa vụ dân sự, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel, tổng cộng số tiền nợ hàng hoá chưa thanh toán tính đến ngày 13/06/2024 là: 721.050.987 đồng (Bảy trăm hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là: 306.675.240 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi đồng), tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/05/2018 đến ngày 13/06/2024 là: 414.375.747 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

1.2. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà Công ty cổ phần kim khí Thành phố H và Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (1,125%/tháng) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 không thực hiện thanh toán, thanh toán không đủ số nợ cho Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4, là những người thành lập doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu

hạn T2, có trách nhiệm dùng phần vốn góp vào doanh nghiệp tiếp tục thanh toán nợ cho Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel.

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu án phí là 32.842.039 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn không trăm ba mươi chín đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 nộp án phí tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel không phải chịu án phí, Công ty cổ phần kim khí Thành phố H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 16.398.828 đồng (Mười sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn tám trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0000142, ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T2, bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4, vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T4

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nam Hải

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 16 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2024.

Tại: Phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Lê Nam H5.

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Quang C,

Ông Nguyễn Văn H2.

Tiến hành nghị án vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số 115/2023/KDTM-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Công ty cổ phần kim khí Thành phố H - VNsteel**,

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Trí N, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel. Trụ sở chính: số A đường Đ, Phường Đ,

Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Cẩm V (có mặt tại phiên toà).

- *Bị đơn*: **Công ty trách nhiệm hữu hạn T2**, Trụ sở chính: số 260/24 (số cũ: 103/1/24) đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Hồng D, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Hồng D, thành viên thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 Địa chỉ: số B (số cũ: 103/1/24) đường P, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

+ Ông Phan Thanh H4, thành viên thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 Địa chỉ: số G đường H, Khu phố C, Phường C, Thành phố T, Tỉnh Long An (vắng mặt tại phiên tòa).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Áp dụng luật:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 68, 72, 73, 85, 86, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 106, 108, 189, 227, 233 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;

Các Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật doanh nghiệp;

Khoản 1 Điều 3, Điều 4, Điều 6, khoản 1 Điều 24, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Biểu quyết: . . . .

2. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel.

2.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có nghĩa vụ dân sự, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel, tổng cộng số tiền nợ hàng hoá chưa thanh toán tính đến ngày 13/06/2024 là: 721.050.987 đồng (Bảy trăm hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là: 306.675.240 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi đồng), tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/05/2018 đến ngày 13/06/2024 là: 414.375.747 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

2.2. Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà Công ty cổ phần kim khí Thành phố H và Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (1,125%/tháng) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 không thực hiện thanh toán, thanh toán không đủ số nợ cho Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng D, ông Phan Thanh H4, là những người thành lập doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn T2, có trách nhiệm dùng phần vốn góp vào doanh nghiệp tiếp tục thanh toán nợ cho Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel.

Biểu quyết: . . . .

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 phải chịu án phí là 32.842.039 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn không trăm ba mươi chín đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 nộp án phí tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Công ty cổ phần kim khí Thành phố H – VNsteel không phải chịu án phí, Công ty cổ phần kim khí Thành phố H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 16.398.828 đồng (Mười sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn tám trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số

AA/2023/0000142, ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biểu quyết: . . . .

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Biểu quyết: . . . .

Việc nghị án kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 6 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được tất cả các thành viên Hội đồng xét xử đọc lại và thống nhất ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA